TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/DS-ST
Ngày: 20/9/2023
V/v Kiện đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG – TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điểu Nhót và ông Nguyễn Đình Liên;
- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 về "Kiện đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2023/QĐST-DS ngày 05/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H - Có mặt
Địa chỉ: Thôn Đ , xã Đắk N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông
Bị đơn: Bà Trương Thị V - Vắng mặt.
ÔngTrần Văn V1 – Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn Đ3 , xã Đắk N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị N - Có mặt.
Địa chỉ: Thôn Đ , xã Đắk N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N trình bày:

Căn cứ giấy biên nhận vay tiền ngày 14/4/2018 thì vợ chồng ông Trần Văn V1 và bà Trương Thị V nợ ông H và bà N số tiền là 42.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/ tháng, hai bên thỏa thuận hạn trả ngày 14/6/2019. Tuy nhiên, đến hạn không trả, mặc dù đã đòi nhiều lần. Để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V1 và bà V phải trả số tiền gốc là 42.000.000

đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 26.400.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 68.400.000 đồng.

Qúa trình giải quyết, bà V làm đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên ông H đã rút yêu cầu về lãi suất. Tại phiên hòa giải ngày 14/8/2023 các đương sự có mặt thỏa thuận bà V đồng ý trả cho ông H và bà N số tiền gốc 42.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 25/11/2023. Nhưng do ông V1 vắng mặt nên Tòa án lập biên bản hòa giải không thành. Đồng thời, ông H làm đơn thay đổi thời hạn trả nợ, yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử, buộc ông V1 và bà V trả cho ông H và bà N số tiền gốc là 42.000.000 đồng.

Về chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã nộp các bản gốc cho Tòa án gồm các giấy vay nợ ngày 06/5/2018, ngày 03/5/2018 và ngày 14/7/2018. Chuyển sổ với tổng số tiền còn lại sau khi đã trả theo giấy biên nhận vay tiền ngày 14/4/2018 là 42.000.000 đồng để có căn cứ giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai và các thủ tục tố tụng bà Trương Thị V trình bày: Lời trình bày về việc vay nợ trên của ông H và bà N là đúng. Bà V đồng ý trả cho ông H và bà N số tiền gốc là 42.000.000 đồng. Về lãi suất ông H đã rút yêu cầu thì bà V không có ý kiến gì. Nay điều kiện gia đình khó khăn nên xin trả số tiền gốc này vào ngày 25/11/2023. Nhưng ông V1 đi làm ăn xa không về tham gia tố tụng được. Do đó, Tòa án lập biên bản hòa giải không thành vì ông V1 vắng mặt.

Qúa trình làm việc Tòa án giao các văn bản tố tụng của ông Trần Văn V1 cho bà Trương Thị V có trách nhiệm giao cho ông V1 nhưng ông V1 vẫn vắng mặt không lý do.Vì vậy, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải được vụ án. Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Về tố tụng: Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định đây là vụ án "Kiện đòi lại tài sản ", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song. Thẩm phán đã xác định đúng về tư cách pháp lý và mối quan hệ của các bên trong quá trình tham gia tố tụng. Đảm bảo việc cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 170, 177 BLTTDS.

Tòa án thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại các Điều 96, 97 BLTTDS. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, lập các biên bản công khai chứng cứ, hòa giải không được theo quy định tại các Điều 10, 98, 108, 109, 208 BLTTDS.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 184, điểm c Điều 217,

Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 157, 166, 280, 357, 429, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị, Hội đồng xét xử (HĐXX)

Tuyên xử:

1. Đình chỉ về phần yêu cầu tính lãi suất theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H với số tiền lãi tạm tính là 26.400.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

Buộc bà Trương Thị V và ôngTrần Văn V1 phải trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị N số tiền gốc 42.000.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu đồng)*.

Các nội dung khác: HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: ông Nguyễn Văn H khởi kiện bà Trương Thị V và ông Trần Văn V1 trả nợ theo nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản vào ngày 14/4/2019, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cả gốc và lãi tổng số tiền là 68.400.000 đồng. Vì vậy, Tại thời điểm thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "*hợp đồng vay tài sản*" theo khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Tuy nhiên, quá trình giải quyết bà Vân là bị đơn đã có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, nguyên đơn không chứng minh được bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện theo Điều 157 BLDS. Vì vậy, HĐXX nhận thấy quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định lại là "Kiện đòi lại tài sản" được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Bị đơn hiện đang cư trú tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Giấy xác nhận vay tiền ngày 14/4/2018, hạn trả nợ ngày 14/6/2019, đến ngày 10/3/2023 ông H khởi kiện bà V và ông V1. Căn cứ Điều 429 BLDS: Thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Qúa trình giải quyết ông H không chứng minh được quay lại thời hạn khởi kiện, bà V yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện theo Điều 184 BLTTDS. Vì vậy Tòa án giải quyết đòi lại tài sản của ông H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173, Điều 175 và Điều 177 BLTTDS. Tuy nhiên, bà Trương Thị V và ông Trần

Văn V1 vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[4] Xét về nội dung tranh chấp:

[4.1] Xét nguồn gốc số nợ giữa ông H, bà N và bà V và ông V1 đã ký xác nhận nợ vào ngày 14/4/2018 với số tiền 42.000.000 đồng, có chữ ký của ông V1 và bà V, quá trình giải quyết vụ án bà V thỏa thuận trả số tiền gốc này vào ngày 25/11/2023. Tuy nhiên, do vắng mặt ông V1 nên việc hòa giải không thành, ông H yêu cầu đưa vụ án ra xét xử và không đồng ý thời hạn trả nợ như bà V yêu cầu. Vì vậy, HĐXX xét thấy lời khai của các đương sự phù hợp với chứng cứ cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[4.2] Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2023 ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V và ông V1 phải trả số tiền lãi suất tạm tính từ ngày vay đến ngày khởi kiện là 26.400.000 đồng. Tuy nhiên. Ông H đã rút về phần yêu cầu tính lãi suất. Xét việc rút này là tự nguyện, không trái pháp luật nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ về phần yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 26.400.000 đồng.

Từ phân tích trên, HĐXX nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông H là phù hợp nên chấp nhận: Buộc ông Trần Văn V1 và bà Trương Thị V phải trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị N số tiền gốc 42.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất chậm thi hành án.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là phù hợp nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận nên bà ông Trần Văn V1 và bà Trương Thị V phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 42.000.000 đồng x 5% = 2.100.000 đồng (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền nộp tạm ứng án phí là 1.710.000 đồng theo biên lai số 0001992 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147, Điều 173, Điều 175, Điều 177, khoản 2 Điều 184, điểm c Điều 217, Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 157, 166, 280, 357, 429, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ về phần yêu cầu tính lãi suất theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H với số tiền lãi tạm tính là 26.400.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

Buộc bà Trương Thị V và ông Trần Văn V1 phải trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị N số tiền gốc 42.000.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3.Về án phí: Buộc ông Trần Văn V1 và bà Trương Thị V phải nộp 2.100.000 đồng (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền nộp tạm ứng án phí là 1.710.000 đồng theo biên lai số 0001992 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà